

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----o0o-----**

Số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2020

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân  
và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Nhân và ông Lê Đức Thọ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 (Có mặt)

ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện T, TP H

**Bị đơn:** Anh Đỗ Hữu H, sinh năm 1982 (Có mặt)

ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện T, TP H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06 tháng 12 năm 2005, chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, Thành phố H

trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị N và anh H sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2019. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H có hai con chung là cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009. Cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P đang ở cùng chị N. Nếu ly hôn, chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Đỗ Hữu H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Đỗ Hữu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu H và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau là tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, TP. H. Trong quá trình chung sống anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng nên anh H không đồng ý ly hôn với chị N và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

Về con chung: Anh Đỗ Hữu H và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009. Cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P đang ở cùng chị N. Do không đồng ý ly hôn với chị N nên anh H không thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Đỗ Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L là mẹ của chị Nguyễn Thị N trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H là do anh H ham chơi cờ và nợ nần nhiều dẫn đến chị N và anh H đã phải bán nhà đi để trả nợ cho anh H. Do không còn chỗ ở nên chị N đã đưa hai con về sống với ông bà từ tháng 8/2019 đến nay, ông bà luôn tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ kinh tế để chị N nuôi hai cháu.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P khẳng định bố các cháu không có trách nhiệm gì với mẹ con cháu nên đều có nguyện vọng được ở cùng với chị N.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, TP. H cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H sống tại thôn N, xã V, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên chị N đã nộp đơn xin ly hôn anh H trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T. Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H có hai con chung là cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009. Cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P đang ở cùng chị N. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã V đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa:** Chị Nguyễn Thị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Anh Đỗ Hữu H trình bày: Mâu thuẫn của vợ chồng đã phát sinh từ lâu anh nhận sửa chữa những sai lầm và xin được vợ chồng đoàn tụ. Việc chăm sóc con chung nhất trí theo nguyện vọng của chị N vì anh không đủ điều kiện để nuôi dạy các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Hữu H; Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Đỗ Hữu H đối với cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và

cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung vợ chồng: Do chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:**

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Đỗ Hữu H, sinh năm 1982, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn N, xã V, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**2. Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

#### **3. Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H kết hôn vào ngày 06/12/2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, TP. H. Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên đã thỏa mãn các điều kiện về trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân được một thời gian, việc này đã được hai bên gia đình góp ý động viên hòa giải để chị N và anh H đoàn tụ nhưng anh H không sửa chữa mà vẫn tiếp tục ham chơi không có trách nhiệm gì đến vợ con, dẫn đến chị N đã đem các con về bên ông bà ngoại các cháu ở nhờ nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Xét mục đích

hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có tiếng nói chung, việc hòa giải đoàn tụ giữa chị N và anh H không có kết quả nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H có hai con chung là cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009. Cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P đang ở cùng chị N, chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con sau khi ly hôn cũng như tại phiên tòa anh H khẳng định không có điều kiện và khả năng nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy anh H không có thời gian và điều kiện chăm sóc con chung, không có nơi ở ổn định, hơn nữa nguyện vọng của các cháu xin được ở cùng chị N, thực tế các cháu đang có cuộc sống ổn định cùng chị N nên cần phải chấp nhận nguyện vọng của chị N là giao cả hai cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P và Đỗ Nguyễn Tuệ M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất về mọi mặt cho hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đỗ Hữu H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Đỗ Hữu H đối với cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P và cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012096 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Xử lý hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 21/7/2008 và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 24/11/2009 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tồn nuôi con chung của anh Đỗ Hữu H đối với cháu Đỗ Nguyễn Tuệ M và cháu Đỗ Nguyễn Tuấn P cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012096 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T;*
- *Ủy ban nhân dân xã V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai**

